Kinh Tư Sát (Vīmaṃsaka Sutta)

Kinh Trung Bộ (VNC PHVN, 2020)

47. KINH Tư SÁT (Vĩmamsaka Suttdỳ

487. Như vầy tôi nghe. Một thời, Thế Tôn ở Sãvatthi, tại Jetavana, tinh xá của ông Anãthapindika. Ở dâyThế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -Này các Tỷ-kheo! -BạchThế Tôn. ĩ _ . f rí i Ạ 4- r A A rr\-Ị Ạ FT' _ J1 E 1 Cac Ty-kneo ay vang dap The Ton. The Ton thuyet giang như sau: -Này các Tỷ-kheo? vị Tư sátTỷ-kheo muốn biết rõ12 tập tánh3 (cetopariyãya) của người khác5 cần phải tìm hiểu (samannesanã) về Như Lai, để ý thức được Ngài có chứng đạt Chánh đẳng giác hay không? Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm bậc Lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn; tốt lành thay, Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn thuyết giảng, các Tỷ-kheo sẽ hành trì. -Vậy này các Tỷ-kheo, hãy nghe và khéo tác ý? Ta sẽ giảng. - Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau: 488. Này các Tỷ-kheo, vị Tư sát Tỷ-kheo muốn biết rõ tập tánh của người khác, cần phải tìm hiểu về Như Lai trên hai loại pháp: Các pháp do mắt, tai4 nhận thức, nghĩ rằng: "Những pháp ô nhiễm do măt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện kh&i?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo được biết như sau: "Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai." Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "Những pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai", vị ấy tìm hiểu thêm: "Nhũng tạp pháp [khi nhiễm khi tịnh]5 do mắt5 tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không

1 Kinh tương đương trong bộ Trung A-hàm kỉnh là cầu giải kinh (T.01. 0026.186. 0731a29). 2 MA. II. 378 phân biệt có 3 loại tìm hiểu và đây là sự tìm hiểu về bậc Đạo sư. 3 ở đây, pariyãya được giải thích là vãra nghĩa là con đường vàparỉccheda nghĩa là giới hạn, giới vức. Xem MA.Ú. 378. 4 MA. II. 380 giải thích thân hành của bậc Đạo sư được nhận thức ngang qua mắt và khẩu hành ngang qua tai. 5 MA. II. 381 giải thích những pháp có khi đen, có khi trắng.

346 > KINH TRUNG Bộ

hiện kh&i?" Sau khi tìm hiểu như vậy và vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai." Sau khi tìm hiểu như vậy và vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai", vị ấy tìm thiểu thêm: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh5 do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không hiện kh&i?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai?5 Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai"vị ấy tìm hiểu thêm: uVị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài hay trong một thời gian ngắn?" Sau khi tìm hieu như vậy5 vị Tỷ-kheo biết được như sau:

Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài, vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này không phải trong một thời gian ngắn." Sau khi tìm hiểu như vậy và biết được như sau: Tôn giả này thành tựu thiện pháp này trong một thời gian lâu dài5 vị Tôn giả này thành tựu thiện pháp này không phải trong một thời gian ngắỊi", vị ấy tìm hiểu thêm: Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này5 khi có danh, một số nguy hiểm có khởi lên cho vị ấy ở đây không?^ Nàỵ các Tỷ-kheo, một số nguy hiểm khônệ khởi lên ở đây cho vị Tỷ-kheo? khi vị ây chưa được hữu danh, chưa cỏ danh tiêng. Này các Tỷ-kheo? khi vị Tỷ- kheo ấy được hữu danh, có danh tiếng, thì một số nguy hiểm có thể khởi lên ở đây cho vị ấy. Sau khi tìm hiểu như vậy, vị Tỷ-kheo biết được như sau: Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một số nguy hiểm không khởi lên cho vị ấy." Sau khi tìm hiểu như vậy, vị ấy biết được như sau: uVị Tôn giả Tỷ-kheo hữu danh này, khi có danh, một sô nguy hiêm không khởi lên cho vị nay.95 Vị ây tìm hiểu thêm: uVị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ? vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi67mà từ bỏ. Có phải do vì đoạn diệt tham ái? vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các due?" Sau khi tìm hiểu như vậy, vị ấy biết được như sau: Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ9 vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái, nên vị này không thỏa mãn các due." Này các Tỷ-kheo, nếu có những người khác hỏi vị Tỷ-kheo ấy như sau: "Những dữ kiện của Tôn giả là gi, những bằng chứng của Tôn giả là gi, mà Tôn giả nói: 'Vị Tôn giả này, do vô úy mà từ bỏ? vị Tôn giả này không phải vì sợ hãi mà từ bỏ/ Do vì đoạn diệt tham ái, vì không có tham ái nên vị này không thỏa mãn các dục.^, Này các Tỷ-kheo? Tỷ-kheo muốn trả lời một cách chơn chánh phải trả lời như sau: uVị Tôn giả này sống giữa Tăng chúng hay sống một minh,7 dầu cho những vị sống ở đây là thiện hạnh, là ác hạnh, dầu cho có

6 Phàm phu có 4 sự sợ hãi, vị Hữu học (Sekha) có 3, nên vị này vẫn còn bị chi phối bởi sự sợ hãi. Nhưng đối với vị đã đoạn tận lậu hoặc thì không còn một sự sợ hãi nào. Xem MA. II. 385. 7 Thời gian độc cư thiền định tạm thời (nửa tháng hay 3 tháng) được nhắc trong nhiều kinh như MA. II. 386; s. V. 320, 325.

47. KINH TUsAt 347

những vị giáo giới hội chúng, ở đây có những vị chuyên trọng tài vật, có những vị ở đây không bị ô nhiễm bởi tài vật, vị Tôn giả này không vì vậy mà khinh bỉ họ vì lý do này?'8 Như vậy tôi nghe trước mặt Thế Tôn? như vậy tôi được biết trước mặt Thế Tôn: "Ta do vô úy mà từ bỏ, Ta không phải vì sợ hãi mà từ bỏ. Do vì đoạn diệt tham ái? vì không có tham ái nên Ta không thỏa mãn các diỊC." 489. Ở đây? này các Tỷ-kheo, Như Lai cần phải được hỏi thêm như sau: "Các pháp ô nhiễm do mắt5 tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện kh&i?" Được hỏi vậy, Như Lai sẽ trả lời9 như sau: "Các pháp ô nhiễm do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không hiện khởi ở Như Lai." "Những tạp pháp ở mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện kh&i?" Được hỏi vậy? này các Tỷ-kheo, Như Lai sẽ trả lời như sau: "Những tạp pháp do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy không có hiện khởi ở Như Lai." "Những pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt, tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai hay không có hiện kh&i?" Được hỏi vậy? này các Tỷ-kheo9 Như Lai trả lời

như sau: uNhững pháp hoàn toàn thanh tịnh do mắt? tai nhận thức; những pháp ấy có hiện khởi ở Như Lai?5 Ta lấy như vậy làm đạo lộ, làm hành giới.10 Không có ai giống Ta như vậy.1112 Này các Tỷ-kheo, một đệ tử phải đến gần bậc Đạo sư có nói như vậy để được nghe pháp. Vị Đạo sư thuyết pháp cho vị ấy, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch cùng với các pháp tương đương (sappatibhãga).n Này các Tỷ-kheo, tùy theo vị Đạo sư thuyêt pháp cho vị Tỷ-kheo. từ vân đê này đên vân đê khác, từ vi diệu này đên vi diệu khác, các pháp hăc bạch cùng với các pháp tương đương; vị Tỷ-kheo? tùy theo như vậy? sau khi chứng tri trong pháp ấy, đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Vị ây khởi lònẹ tịnh tín đối với bậc Đạo sư: “Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được The Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành tri." Này các Tỷ-kheo, nếu có nạười khác hỏi Tỷ-kheo ấy như sau: "Tôn giả có những dữ kiện gi, có những bang chứng gì để Tôn giả nói rằng: 'Thế Tôn là bậc Chánh Đẳng Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trF?” Này các Tỷ-kheo, muốn trả lời một cách chơn chánh, vị Tỷ-kheo phải trả lời

8 Câu kệ này được tìm thấy ở MA. II. 387; DhA. I, 146 và Mỉln. 410. Câu kệ như sau: "Vadhakassa devadattassa, corassangulimãlỉno. Dhanapãle rãhule ca, sabbesam samako munĩtỉy (Cho dù kẻ đáng bị trừng phạt như Devadatta, kẻ cướp như Angulimãla, hay kẻ bị ràng buộc bởi tài sản đều ngang hàng với Muni). 9 yì không có bất cứ câu trả lời nào của Như Lai mà không chân chánh, do đó không có sự không chơn chánh đối với thuật ngữ sammã nên được gọi là byãkaramãna như được đề cập trong MA. II. 387. ỈOEtampathohamasmỉ etam gocaro. MA. II. 387 viết etãpãtho theo cách đọc khác và giải thích là í4một đời sống hoan toàn thanh tịnh và đức hạnh.?, 11 Trong nếp sống giới hạnh thanh tịnh không có tham ái. Xem MA. II. 387. 12 ở đây có thể được hiểu là savipakkha, có nghĩa là kết quả.

như sau: “d đây? này Hiền giả, tôi đến yết kiến Thế Tôn để nghe thuyết pháp, Thế Tôn thuyết pháp cho tôi, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đen vi diệu khác, các pháp hăc bạch với các pháp tương đương của chúng. Này Hiền gi,tùy theo The Tôn thuyết pháp cho tôi như thế nào, từ vấn đề này đến vấn đề khác, từ vi diệu này đến vi diệu khác, các pháp hắc bạch với các pháp tương đương của chúng; tùy theo như vậy, sau khi chứng tri trong pháp ấy, tôi đạt đến sự cứu cánh của từng pháp một. Tôi khởi lòng tịnh tín đối với bậc Đạo sư: 'Thế Tôn là bậc Chánh Đang Giác, pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, chúng Tăng thật khéo hành trì.9,9 490. Này các Tỷ-kheo, đối với ai mà lòng tin đối với Như Lai được an lập, căn cứ, an trú trên những dữ kiện,13 những văn cú, những văn tự1415 như vậy? này các Tỷ-kheo? lòng tin như vậy được gọi là có dữ kiện đầy đủ? căn cứ trên chánh kiến,15 vững chắc, không thể bị phá hoại bởi một Sa-môn5 Bà-la-môn? chư Thiên, Mãra? Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời. Như vậy? này các Tỷ-kheo? là sự tìm hiểu về Như Lai, và như vậy Như Lai mới được khéo tìm hiểu một cách đúng pháp. Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

13 MA. II. 388 cho rằng bởi những điều biết rõ được về bậc Đạo sư của vị này. 14 M I. 114; 5. V. 219. 15 ở đây, MA. II. 388 giải thích rằng dựa trên pháp tu thành tựu quả vị Dự lưu, và chính lòng tịnh tín là pháp tu căn bản. Lòng tịnh tín của bậc Dự Lưu khống thể bị Mãra pha hoại.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.